

Số: 361/2020/QĐST- HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 400/2020/ TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1977.
- Bị đơn: Chị Dương Thị M, sinh năm 1983.

Đều ĐKKHKT: Xóm T (nay là xóm R), xã PT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 54; 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/6/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1977.
- Bị đơn: Chị Dương Thị M, sinh năm 1983.

Đều ĐKKHKT: Xóm T (nay là xóm R), xã PT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Anh Trần Văn T và chị Dương Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cho anh Trần Văn T sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Minh T1, sinh ngày 24/12/2003 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Dương Thị M sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Thị Phương Th, sinh ngày 03/12/2008 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do anh T, chị M không yêu cầu. Anh T, chị M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí: Anh Trần Văn T nhận nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0003103 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Hoàn lại cho anh T 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND tp.TN;
- **UBND xã PT, TPTN;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân

